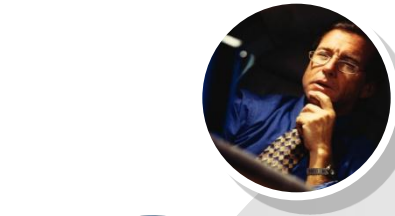


INCOTERM - LOGISTICS





NỘI DUNG TÌM HIỂU

INCOTERM

- Giới thiệu chung về Incoterms
- Đặc điểm chung của incoterm
- Vai trò của Incoterm
- Các điều khoản của Incoterms
- Thực hành



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



- ❖ INCOTERMS:(INTERNATIONAL COMMERCIAL TERMS) – CÁC ĐIỀU KIỆN/ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ)
- ❖ Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) phát hành để giải thích các điều kiện thương mại quốc tế.
- ❖ Các phiên bản: INCOTERMS 1936, 1953, 1967, 1976, 1980, 1990, 2000, 2010

INCOTERMS





MẪU INCOTERM THAM KHẢO

INCOTERMS

SPSE E RISCHI
EXPENCES AND RISKS

OBBLIGHI VENDITORE
SELLERS OBLIGATION'S

OBBLIGHI COMPRATORE
BUYER'S OBLIGATION'S

T - Obbligo di stipula del contratto
It specifies the obligation to stipulate the freight contract

(T) Facoltà di stipulare il contratto di trasporto
It specifies the power to stipulate the freight contract

* - Anche per il caricamento se presso il venditore
Also for the charger if near the premises of seller

A - Stipula del contratto di assicurazione
It specifies the obligation to stipulate the insurance contract

d - Obbligo di sdoganamento delle merci all'importazione
Obligation to supply to the clearance of the goods to import

D - Obbligo di sdoganamento delle merci all'esportazione
Obligation to supply to the clearance of the goods to export

- 1 LUOGO CONVENUTO
AGREED PLACE
- 2 LUOGO DI DESTINAZIONE
DESTINATION PLACE
- 3 PORTO DI DESTINAZIONE
DESTINATION PORT
- 4 PORTO DI IMBARCO
LOADING PORT



Incoterm	Location	Transport	Insurance	Customs	Notes
EXW FRANCO FABBRICA EX WORKS	1	ANCHE PER LO SCARICAMENTO SUI MEZZI DEL COMPRATORE ALSO FOR THE CHARGER ON MEANS OF THE BUYER		D - d	
FCA FRANCO VETTORE FREE CARRIER	1	(T) - D - *		D - T	ANCHE PER LO SCARICAMENTO SUI MEZZI DEL COMPRATORE SE LA CONSEGNA AVVIENE ALTROVE CHE PRESSO I LOCALI DEL VENDITORE ALSO FOR THE DOWNLOAD FROM MEANS OF THE SELLER IF THE DELIVERY OCCURS ELSEWHERE THAT NEAR THE PREMISES OF THE SELLER
CPT TRASPORTO PAGATO FINO A... CARRIAGE PAID TO...	2	T - D		d	NESSUN TRASPORTO - NO TRANSPORT
CIP TRASPORTO E ASSICURAZIONE PAGATI FINO A... CARRIAGE AND INSURANCE PAID TO...	2	T A D		d	TRASPORTO - TRANSPORT
DAT RESO AL TERMINAL DELIVERED AT TERMINAL	2	T - D	COMPRESSE SPESE DI SCARICO INCLUDED DOWNLAD EXPENSES	d	NESSUN TRASPORTO - NO TRANSPORT
DAP CONSEGNA A DESTINO DELIVERED AT PLACE	3	T - D		d	TRASPORTO E ASSICURAZIONE - TRANSPORT AND INSURANCE
DDP RESO SDOGANATO DELIVERED DUTY PAID	2	T - D - d		d	TRASPORTO
FAS FRANCO LUNGO BORDO FREE ALONGSIDE SHIP	4	D		d - T	
FOB FRANCO A BORDO FREE ON BOARD	4	D		d - T	
CFR COSTO E NOLO COST AND FREIGHT	3	T - D		d	NESSUN NOLO - NO FREIGHT
CIF COSTO, ASSICURAZIONE E NOLO COST, INSURANCE AND FREIGHT	3	T A D		d	NOLO - FREIGHT
				d	NESSUN NOLO - NO FREIGHT
				d	NOLO ASSICURATO - FREIGHT & INSURANCE



ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- ❖ Chỉ áp dụng với hàng hóa HỮU HÌNH không áp dụng với hàng VÔ HÌNH
- ❖ Dùng cho hợp đồng mua bán QUỐC TẾ và NỘI ĐỊA
- ❖ Không có tính phủ định, phiên bản sau không phủ định phiên bản trước
- Khi dẫn chiếu bắt buộc phải ghi rõ phiên bản lựa chọn

CẤU TRÚC: QUY TẮC (ĐỊA ĐIỂM), INCOTERMS (VER)

ĐỊA ĐIỂM: được thỏa thuận, chỉ dẫn cụ thể => giảm thiểu tranh chấp phát sinh

INCOTERMS

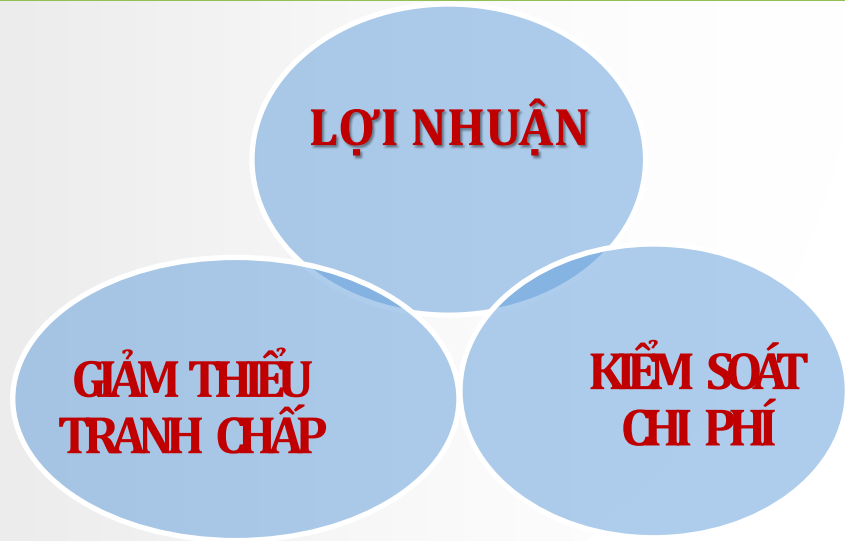
INCOTERMS





VAI TRÒ CỦA INCOTERM

- TASK** • Ai chịu trách nhiệm
- COST** • Ai chịu chi phí
- RISK** • Chuyển dao rủi ro ở đâu





INCOTERMS 2010

ĐA PHƯƠNG THỨC

- **EXW**
- **FCA**
- **CPT**
- **CIP**
- **DAT**
- **DAP**
- **DDP**

VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY

- **FAS**
- **FOB**
- **CFR**
- **CIF**





INCOTERM 2000 VÀ 2010

INCOTERMS 2000

INCOTERMS 2010

Dự thảo Incoterms® 2020

- ❖ Loại bỏ EXW, DDP
- ❖ Loại bỏ/ sửa FAS
- ❖ Mở rộng FCA
- ❖ FOB, CFR, CIF cho hàng container
- ❖ Incoterm mới: CNI
- ❖ 02 Incoterms trên cơ sở DDP
- ❖ Một số đề xuất khác

- **EXW EX Works**
- **FCA Free Carrier**
- **FAS Free Alongside ship**
- **FOB Free On Board**
- **CFR Cost And Freight**
- **CIF Cost Insurance and freight**
- **CPT Carriage Paid To**
- **CIP Carriage ,Insurance paid to**
- **DAT Delivered At terminal**
- **DAP Delivered At Place**
- **DDP Delivered Duty Paid**

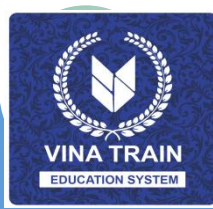


EXW - GIAO HÀNG TẠI XƯỞNG

- ❖ Người bán giao hàng khi đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua tại cơ sở của người bán hoặc tại một địa điểm qui định (ví dụ: xưởng, nhà máy, kho tàng...), hàng hóa chưa được làm thủ tục thông quan xuất khẩu và chưa bốc hàng lên phương tiện tiếp nhận.
- ❖ **Công thức** : **EXW**, địa điểm giao hàng, Incoterms 2010
vd: EXW 35 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam Incoterms 2010



EXW – Giao tại xưởng (tiếp)



- b) Một người mua mua từ một người bán theo điều kiện EXW để xuất khẩu cần biết rằng người bán chỉ có nghĩa vụ hỗ trợ người mua khi người mua yêu cầu để thực hiện xuất khẩu chứ người bán không có nghĩa vụ làm thủ tục hải quan. Do đó, người mua không nên sử dụng điều kiện EXW nếu họ không thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm thủ tục thông quan xuất khẩu.
- c) Người mua có nghĩa vụ rất hạn chế trong việc cung cấp thông tin cho người bán liên quan đến xuất khẩu hàng hóa. Tuy vậy, người bán có thể cần một số thông tin, chẳng hạn để tính thuế hoặc báo cáo.



TASK - RISK - COST

- **Người bán**: Đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua
- **Người mua**: Chịu trách nhiệm đối với tất cả các công đoạn còn lại
- Toàn bộ chi phí do người mua
- Toàn bộ rủi ro người mua phải
- **Note**: Áp dụng cho mọi phương thức vận tải, kể cả vận tải đa phương thức.





INCOTERM NHÓM F

FCA: Free Carrier

FAS: Free Carrier Along Side

FOB : Free Onboard

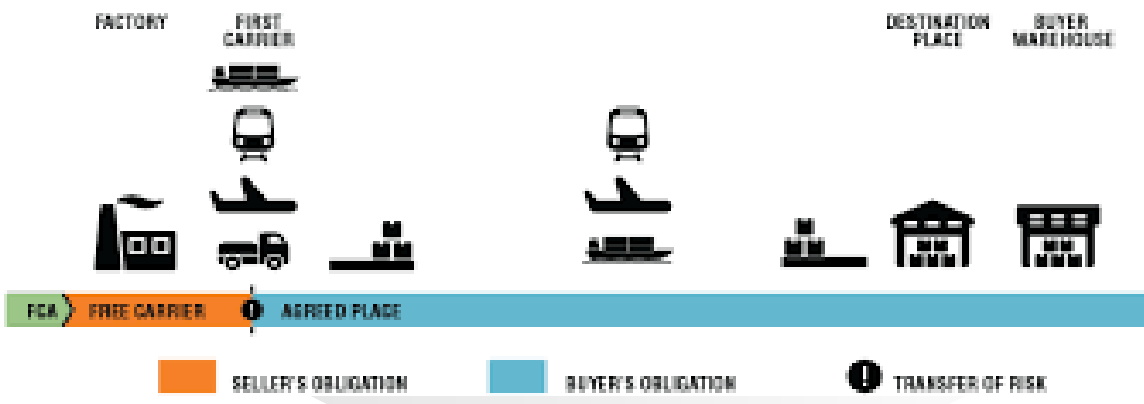


2. FCA - FREE CARRIER

FCA có nghĩa là người bán, sau khi làm xong các thủ tục thông quan xuất khẩu, giao hàng cho người chuyên chở do người mua chỉ định, tại địa điểm qui định.

- ✓ Áp dụng cho mọi phương thức vận tải.
- ✓ Nên sử dụng FCA thay FOB nếu không có ý định giao hàng lên tàu.
- ✓ *CT viết*: FCA (địa điểm giao hàng), Incoterms 2010
- ✓ **FCA Sân bay Nội Bài, Việt Nam – Incoterms 2010**

INCOTERMS® 2010 - FCA





TASK - RISK - COST

Người bán: Giao cho người chuyên chở hoặc một người khác do người mua chỉ định

Người mua: Chịu trách nhiệm bốc hàng lên phương tiện vận chuyển và về sau

Chi phí: NB trả chi phí thông quan hàng hóa XK và đặt hàng tại địa điểm chỉ định. Người mua trả các chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển và về sau

Rủi ro: điểm hàng hóa được đặt tại địa điểm chỉ định để bốc lên phương tiện của người mua.





3. FAS - Free Alongside Ship

FAS – Giao dọc mạn tàu

FAS có nghĩa là người bán giao hàng khi hàng hóa được đặt dọc theo mạn tàu tại cảng bốc hàng qui định. Điều này có nghĩa rằng người mua phải chịu tất cả mọi chi phí và rủi ro về mất mát hoặc hư hại đối với hàng hóa kể từ thời điểm đó.

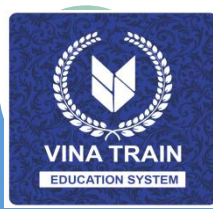
Điều kiện FAS đòi hỏi người bán làm thủ tục thông quan xuất khẩu cho hàng hóa.

- ❖ *Cách quy định: FAS, cảng bốc hàng qui định, Incoterms 2010.*

FAS, Hải Phòng, Việt Nam, Incoterms 2010



TASK – RISK - COST



- **Trách nhiệm:** Người bán đặt hàng hóa đã được thông quan xuất khẩu dọc theo mạn tàu do người mua chỉ định tại cảng bốc hàng quy định.
- **Chi phí:** Người bán trả chi phí thông quan xuất khẩu, chi phí vận chuyển và bốc xếp hàng hóa tới đặt dọc mạn tàu do người mua chỉ định tại cảng bốc hàng quy định.
- **Rủi ro:** từ thời điểm hàng hóa được đặt dọc mạn tàu được chỉ định



4. FOB - Free On Board

- ❖ **FOB:** người bán giao hàng khi hàng hóa đã qua lan can tàu tại cảng bốc hàng quy định. làm thủ tục thông quan xuất khẩu cho hàng hóa.
- ❖ Chỉ sử dụng cho vận tải đường biển hay đường thủy nội địa.
- ❖ Nếu các bên không có ý định giao hàng qua lan can tàu, nên sử dụng FCA.





TASK – RISK – COST

- ❖ **Trách nhiệm**: NB giao hàng đã thông quan xuất khẩu trên tàu do người mua chỉ định tại cảng quy định.
- ❖ **Chi phí**: NB phải trả chi phí thông quan hàng xuất khẩu, vận chuyển tới cảng quy định và bốc xếp lên con tàu do người mua chỉ định.
- ❖ **Rủi ro**: Được chuyển giao khi hàng hóa được đặt trên boong tàu.





CÁC ĐIỀU KIỆN NHÓM C



Điều Kiện nhóm C



CFR: Tiền hàng và cước phí



CIF: Tiền hàng cước phí và bảo hiểm



CIP: Cước phí và bảo hiểm trả tới



CPT: Cước phí trả tới



5. CFR - Cost and Freight

CFR có nghĩa là người bán giao hàng khi hàng hóa đã qua lan can tàu tại cảng bốc hàng.

Người bán phải trả các phí tổn và cước vận tải cần thiết để đưa hàng tới cảng đến qui định, *nhưng* rủi ro về mất mát và hư hại đối với hàng hóa cũng như mọi chi phí phát sinh thêm do các tình huống xảy ra sau thời điểm giao hàng được chuyển từ người bán sang người mua khi hàng qua lan can tàu tại cảng bốc hàng.

Áp dụng vận tải đường biển và đường thủy nội địa.

Phương thức khác nên sử dụng điều kiện CPT.



TASK – RISK – COST

- ❖ Người bán giao hàng đã thông quan xuất khẩu tới tàu tại cảng xuất, ký hợp đồng vận chuyển và trả chi phí vận chuyển tới cảng đến quy định.
- ❖ Người bán trả chi phí **thông quan hàng xuất**, phí **vận chuyển tới cảng xuất**, phí **bốc xếp hàng** hóa lên trên tàu và **cước phí vận chuyển tới cảng đến** quy định, trả **chi phí dỡ hàng khỏi tàu tại cảng nhập** nếu được quy định trong hợp đồng vận chuyển.
- ❖ Người mua trả chi phí dỡ hàng khỏi tàu tại cảng nhập nếu không được quy định trong hợp đồng vận chuyển, phí tại cảng dỡ, phí thông quan nhập khẩu, thuế và vận tải nội địa.
- ❖ Được chuyển giao khi hàng hóa được xếp lên tàu tại cảng xuất



6. CIF- Cost, Insurance and Freight

- ❖ **CIF** có nghĩa là người bán giao hàng đã mua bảo hiểm với phạm phi tối thiểu khi hàng hóa đã qua lan can tàu tại cảng bốc hàng.
- ❖ Điều kiện CIF đòi hỏi người bán phải thông quan xuất khẩu hàng hóa.
- ❖ Điều kiện này chỉ áp dụng cho vận tải đường biển và đường thủy nội địa. Nếu các bên không có ý định giao hàng qua lan can tàu thì nên sử dụng điều kiện CIP.





TASK – RISK – COST

Trách nhiệm: Người bán giao hàng đã thông quan xuất khẩu, ký hợp đồng vận chuyển, bảo hiểm và trả chi phí vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa tới cảng đến quy định.

Chi phí: - Người bán trả chi phí thông quan hàng xuất, phí vận chuyển tới cảng xuất, phí bốc xếp hàng hóa lên trên tàu, cước biển, và phí bảo hiểm hàng hóa tới cảng đến quy định, phí dỡ hàng khỏi phương tiện vận tải tại cảng nhập nếu được quy định trong hợp đồng.

Người mua trả chi phí dỡ hàng khỏi tàu tại cảng nhập nếu không được quy định trong hợp đồng vận chuyển, phí tại cảng dỡ, phí thông quan nhập khẩu, thuế và vận tải nội địa. **Rủi ro:** chuyển giao khi hàng hóa được xếp lên tàu xuất



7. CPT - Carriage Paid To

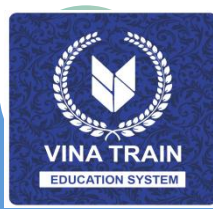
**CPT – Carriage Paid To (...named place of destination) –
Cước phí trả tới (...nơi đến qui định).**

CPT có nghĩa là người bán giao hàng cho người chuyên chở do chính người bán chỉ định, người bán phải trả chi phí vận tải cần thiết để đưa hàng hóa tới nơi qui định, người mua phải chịu mọi rủi ro và các phí tổn phát sinh sau khi hàng đã được giao như trên.

“Người chuyên chở” là bất kỳ người nào, mà theo hợp đồng vận tải, cam kết tự mình thực hiện hoặc đứng ra đảm trách việc chuyên chở bằng đường sắt, đường bộ, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa hoặc kết hợp các phương thức vận tải đó.



7. CPT (tt)



- ❖ Nếu có những người chuyên chở kế tiếp nhau được sử dụng để vận chuyển hàng hóa tới nơi đến qui định, thì rủi ro chuyển giao khi hàng hóa được giao cho người chuyên chở đầu tiên.
- ❖ Điều kiện CPT đòi hỏi người bán phải thông quan xuất khẩu hàng hóa.
- ❖ Điều kiện này có thể áp dụng cho mọi phương thức vận tải, kể cả vận tải đa phương thức.

TASK - RISK - COST

- **Trách nhiệm**: Người bán giao hàng cho người chuyên chở hoặc người khác do người mua chỉ định, ký hợp đồng vận chuyển và trả chi phí vận chuyển hàng hóa tới nơi đến quy định.
- **Chi phí**: Người bán trả chi phí thông quan hàng hóa xuất khẩu, chi phí giao đến địa điểm chỉ định cho người chuyên chở và cước phí vận chuyển tới nơi đến quy định.
- **Rủi ro**: Mọi rủi ro được chuyển giao cho người mua kể từ khi hàng hóa được giao cho người chuyên chở.





CIP - Carriage and Insurance Paid To

- ❖ *CIP* có nghĩa là người bán giao hàng hóa cho người chuyên chở do họ chỉ định, người bán phải trả chi phí vận tải cần thiết để đưa hàng hóa tới nơi đến qui định
- ❖ Điều kiện CIP đòi hỏi người bán phải thông quan xuất khẩu hàng hóa.
- ❖ Điều kiện này có thể sử dụng cho mọi phương thức vận tải, kể cả vận tải đa phương thức
- ❖ Mua bảo hiểm với mức tối thiểu cho hàng hóa
- ❖ Nếu có những người chuyên chở kế tiếp nhau được sử dụng để vận chuyển hàng hóa tới nơi đến qui định, thì rủi ro chuyển giao khi hàng hóa được giao cho người chuyên chở đầu tiên.



TASK – RISK – COST

- ❖ Trách nhiệm: Người bán giao hàng cho người chuyên chở hoặc người khác do người mua chỉ định và trả chi phí vận chuyển tới nơi quy định, mua bảo hiểm suốt quá trình từ khi giao cho người chuyên chở đến nơi đến quy định.
- ❖ Chi phí: Người bán trả chi phí thông quan xuất khẩu, chi phí giao đến địa điểm chỉ định cho người chuyên chở và thanh toán cước phí vận chuyển, mua bảo hiểm cho hàng hóa từ địa điểm giao cho người chuyên chở tới nơi đến quy định
- ❖ Rủi ro: Mọi rủi ro được chuyển giao cho người mua kể từ khi hàng hóa được giao cho người chuyên chở.



INCOTERM NHÓM D



DAT - Delivered At Terminal
Giao tại bến



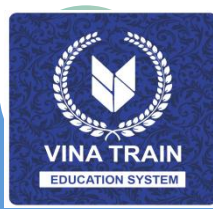
DAP – Delivered At Place
Giao tại nơi đến



DDP – Delivered Duty Paid
Giao hàng đã thông quan nhập khẩu tại
nơi đến chỉ định



DAT – Delivered At Terminal



- ❖ **DAT** (nơi đến quy định) người bán giao hàng, khi hàng hóa sau khi đã dỡ khỏi phương tiện vận tải, được đặt dưới sự định đoạt của người mua tại một bến chỉ định, tại cảng hoặc tại nơi đến chỉ định.
- ❖ “Bến” (terminal) bao gồm bất kỳ nơi nào, dù có mái che hay không có mái che, cầu cảng, kho, bãi container hoặc ga đường bộ, đường sắt hoặc hàng không.
- ❖ Người bán chịu mọi chi phí và rủi ro liên quan để đưa hàng hóa đến địa điểm đó. Người bán được khuyến nên ký hợp đồng vận tải đến đúng địa điểm đó.
- ❖ người bán không có nghĩa vụ làm thủ tục nhập khẩu hay trả bất kỳ khoản thuế nhập
- ❖ Sử dụng cho mophương thức vận tải



TASK – RISK – COST

- ❖ **Trách nhiệm**: Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi hàng hóa đã được dỡ khỏi phương tiện vận tải chở tới, đặt dưới sự định đoạt của người mua tại nơi đến quy định.
- ❖ **Chi phí**: Người bán chịu các chi phí thông quan hàng hóa xuất khẩu, chi phí vận chuyển tới bến hoặc nơi đến quy định, chi phí dỡ hàng xuống khỏi phương tiện chở tới.
- ❖ **Rủi ro**: Khi đặt hàng hóa tại một bến quy định, tại cảng hay nơi đến quy định.





DAT - Giao tại bến (tiếp)

Hơn nữa, nếu các bên muốn người bán chịu rủi ro và chi phí vận chuyển và dỡ hàng từ bên đến một địa điểm khác thì nên sử dụng điều kiện DAP hoặc DDP.





DAP – Delivered At Place

DAP: (Giao tại nơi đến)

- **Sử dụng cho mọi phương thức vận tải**

- ❖ có nghĩa là người bán giao hàng khi hàng hóa được đặt dưới quyền định đoạt của người mua trên phương tiện vận tải, sẵn sàng dỡ tại nơi đến chỉ định. Người bán chịu mọi rủi ro liên quan để đưa hàng hóa đến nơi đến chỉ định.
- ❖ Quy định càng rõ càng tốt về địa điểm cụ thể tại nơi đến thỏa thuận vì người bán chịu mọi rủi ro tới địa điểm đó. Người bán nên ký hợp đồng vận tải đến đúng địa điểm đó, phải trả chi phí dỡ hàng ở nơi đến.
- ❖ Điều kiện DAP người bán không có nghĩa vụ làm thủ tục thông quan nhập khẩu, trả thuế nhập khẩu hoặc làm các thủ tục thông quan nhập khẩu.
- ❖ Nếu các bên muốn người bán làm thủ tục thông quan nhập khẩu, trả thuế và chi phí liên quan đến nhập khẩu thì nên sử dụng điều kiện DDP



TASK - COST - RISK

Trách nhiệm: Người bán giao hàng, đặt dưới sự định đoạt của người mua trên phương tiện vận tải sẵn sàng để dỡ hàng tại nơi đến chỉ định.

Chi phí: Người bán chịu các chi phí thông quan hàng hóa xuất khẩu, chi phí vận chuyển tới nơi đến chỉ định

Người mua chịu chi phí dỡ hàng khỏi phương tiện tại nơi đến chỉ định, chi phí thông quan hàng nhập khẩu, thuế và các khoản phí tại nơi đến

Rủi ro: Được chuyển giao khi hàng hóa sẵn sàng dỡ, trên phương tiện vận chuyển của người bán tại nơi đến chỉ định.



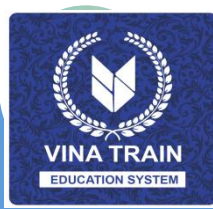
DDP - Delivered Duty Paid

- ❖ **DDP** : Giao hàng đã thông quan nhập khẩu
- ❖ sử dụng cho mọi phương thức vận tải, kể cả vận tải đa phương thức.
- ❖ có nghĩa là người bán giao hàng khi hàng hóa được đặt dưới quyền định đoạt của người mua, đã thông quan nhập khẩu, trên phương tiện vận tải chở đến và đã sẵn sàng để dỡ hàng tại nơi đến quy định.
- ❖ Điều kiện DDP thể hiện nghĩa vụ tối đa của người bán





LƯU Ý KHI SỬ DỤNG DDP



- ❖ EXW >< DDP
- ❖ Không nên sử dụng điều kiện này nếu người bán không thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm được thủ tục nhập khẩu.
- ❖ Người bán muốn giảm nghĩa vụ phải thanh toán một số chi phí phải trả khi nhập khẩu hàng hóa (như thuế giá trị gia tăng: VAT), thì cần quy định rõ ràng bằng cách bổ sung thêm từ ngữ cụ thể vào hợp đồng mua bán
- ❖ Nếu muốn người mua chịu mọi rủi ro và chi phí thông quan nhập khẩu thì nên sử dụng DAP hoặc DDU.



TASK – RISK – COST

Trách nhiệm: Người bán giao hàng, đặt hàng hóa dưới sự định đoạt của người mua khi đã thông quan nhập khẩu và sẵn sàng dỡ trên phương tiện vận chuyển chở tới, tại nơi đến chỉ định.

Chi phí: Người bán chịu chi phí thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu, thuế và các khoản phí tới nơi đến chỉ định, chi phí vận chuyển hàng hóa sẵn sàng dỡ trên phương tiện vận chuyển tới nơi đến chỉ định

Rủi ro: chuyển giao khi hàng hóa đã thông quan và sẵn sàng dỡ trên phương tiện vận chuyển chở tới tại nơi đến chỉ định.





THỦ TỤC AN NINH

Cho đến nay hàng hóa NK vào Mỹ phải tuân thủ các thủ tục an ninh sau:

1. Kê khai HQ tự động (***Automatic Manifest System – AMS***): Từ đầu năm 2003 HQ Mỹ quy định: thông tin về lô hàng NK vào Mỹ phải được kê khai cho HQ Mỹ 48 h trước khi tàu ở cảng chuyển tải khởi hành đến Mỹ => Nhà XK có trách nhiệm kê khai thông tin theo quy định ngay từ cảng xếp hàng => Kê khai hải quan tự động.



THỦ TỤC AN NINH

2. kê khai an ninh dành cho nhà NK (***Importer Security Filing – ISF***): Ngoài những thông tin giống như AMS, thủ tục khai ISF yêu cầu nhà NK Mỹ phải cung cấp thêm các thông tin về: nhà sản xuất, nhà NK (import of record number), mã số hàng hóa (commodity HTSUS number) và nhà vật tải đóng hàng vào container (consolidator). Những thông tin này cũng phải kê khai cho HQ Mỹ 48 h trước khi tàu chở hàng khởi hành đi Mỹ.

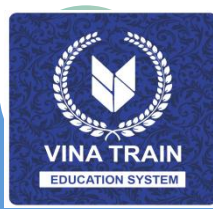


THỦ TỤC AN NINH

3. ***Soi container (X-ray)***: Ngoài việc kê khai thông tin AS và ISF, HQ Mỹ còn áp dụng biện pháp soi container đối với những container bị nghi ngờ về an ninh, hoặc kiểm tra ngẫu nhiên container. Việc soi container có thể diễn ra tại cảng chuyển tải hoặc cảng đích.



INCOTERMS 2010



8. Phí xếp dỡ tại bến bãi (THC)

- ❖ Theo các điều kiện CPT, CIP, CFR, CIF, DAT, DAP và DDP, người bán phải tổ chức việc vận chuyển hàng hóa tới nơi đến theo thỏa thuận. Dù người bán trả cước phí nhưng thực chất người mua mới là người chịu cước phí vì chi phí này thường đã bao gồm trong tổng giá bán. Chi phí vận tải đôi khi bao gồm cả chi phí xếp dỡ và di chuyển hàng hóa trong cảng hoặc bến container và người chuyên chở hoặc người điều hành bến bãi có thể buộc người mua trả chi phí này khi nhận hàng.

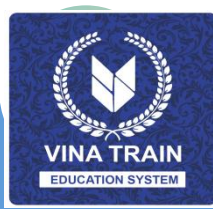


INCOTERMS 2010

- ❖ Trong những trường hợp như vậy, người mua không muốn phải trả cùng một khoản chi phí tới hai lần: một lần trả cho người bán dưới dạng một phần tổng giá hàng và một lần trả độc lập cho người chuyên chở hoặc người điều hành bến bãi. Incoterms 2010 cố gắng khắc phục điều này bằng cách phân chia rõ ràng các chi phí này trong hợp đồng.



INCOTERMS 2010



9. Bán hàng theo chuỗi

- ❖ Hàng nguyên liệu đồng nhất, khác với hàng hóa chế biến, thường được bán ra nhiều lần trong quá trình vận chuyển theo một “chuỗi”. Khi điều này diễn ra, người bán ở giữa chuỗi không phải là người “gửi” (ship) hàng vì chúng đã được gửi bởi người bán đầu tiên trong chuỗi, do đó, thực hiện nghĩa vụ của mình đối với người mua không phải bằng việc gửi hàng mà bằng việc “mua” hàng hóa đã được gửi. Nhằm làm rõ vấn đề này, Incoterms 2010 đưa thêm nghĩa vụ “mua hàng đã gửi” như một phương án thay thế cho nghĩa vụ gửi hàng trong các quy tắc Incoterms thích hợp.



Trân trọng !